

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BÁO CÁO

**Việc lồng ghép bình đẳng giới trong Dự án
Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi)**

Hà Nội, tháng 02/2020

BÁO CÁO**Việc lồng ghép bình đẳng giới trong Dự án
Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi)**

Thực hiện Nghị quyết số 78/2019/QH14 ngày 11/6/2019 của Quốc hội khoá XIV, kỳ họp thứ 7 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2020, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019 và theo phân công của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 842/QĐ-TTg ngày 08/7/2019, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương và địa phương, các tổ chức hữu quan, các nhà khoa học tiến hành xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Từ thực tiễn thi hành Luật và để tiếp tục thể chế hóa chủ trương, quan điểm mới của Đảng và Nhà nước về bảo vệ môi trường (BVMT), xây dựng hệ thống chính sách BVMT đồng bộ, thống nhất, sát với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo hướng ngày càng thuận lợi, phù hợp với thông lệ quốc tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường nhận thấy cần thiết phải xây dựng Luật BVMT sửa đổi thay cho việc chỉ sửa đổi, bổ sung một số điều.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và khoản 2 Điều 21 Luật Bình đẳng giới, Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo việc lồng ghép bình đẳng giới trong quá trình xây dựng dự án Luật BVMT sửa đổi (sau đây gọi là dự án Luật) như sau:

I. MỤC TIÊU, CẤU TRÚC CỦA DỰ THẢO LUẬT VÀ NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**1. Mục tiêu dự thảo Luật**

Dự thảo Luật BVMT sửa đổi được xây dựng với mục tiêu tiếp tục hoàn thiện quy định pháp luật về BVMT phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả của công tác BVMT; đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, đủ cơ sở pháp lý để giải quyết những vấn đề môi trường đặt ra của giai đoạn phát triển mới; tương thích với pháp luật và thông lệ quốc tế; thống nhất, đồng bộ với pháp luật liên quan, tạo hành lang pháp lý đồng bộ về BVMT, thúc đẩy sự phát triển bền vững.

2. Cấu trúc dự thảo Luật

Dự thảo Luật gồm 18 chương, 174 điều.

So với Luật BVMT năm 2014, dự thảo Luật giảm 02 chương, tăng 04 điều. Việc giảm 02 chương do lồng ghép, sắp xếp các nội dung để bảo đảm tính logic, thống nhất của luật; không cắt giảm các chủ đề quan trọng đã quy định trong Luật BVMT năm 2014 (*cụ thể, Chương V. Bảo vệ môi trường biển và hải đảo của Luật BVMT năm 2014 được lồng ghép trong Chương VII. Quản lý chất lượng môi trường của dự thảo Luật; Chương VIII. Bảo vệ môi trường đô thị, khu dân cư của Luật BVMT năm 2014 được lồng ghép trong Chương XII. Trách nhiệm bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu đô thị, khu vực nông thôn, khu dân cư tập trung.*)

3. Nội dung chính sửa đổi, bổ sung

Các nội dung chính sửa đổi, bổ sung tập trung vào các chính sách, vấn đề lớn sau:

- Quy hoạch BVMT, phân vùng môi trường;
- Đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường;
- Giấy phép môi trường;
- Quản lý cảnh quan thiên nhiên và BVMT trong khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên;
- Ứng phó với biến đổi khí hậu;
- Quản lý chất thải;
- Quy chuẩn kỹ thuật môi trường
- Quản lý chất lượng môi trường;
- Quan trắc, thông tin, cơ sở dữ liệu và báo cáo môi trường;
- Các công cụ kinh tế, nguồn lực cho bảo vệ môi trường;
- Trách nhiệm bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đô thị, khu dân cư;
- Trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp và cộng đồng dân cư trong BVMT;
- Hội nhập, hợp tác quốc tế về BVMT;
- Sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại về môi trường.

II. LỒNG GHÉP BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG TỔ CHỨC, THỰC HIỆN DỰ ÁN LUẬT

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bình đẳng giới và các quy định có liên quan tại Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 của Chính phủ về lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và

Thông tư số 17/2014/TT-BTP ngày 13/8/2014 của Bộ Tư pháp quy định về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, quá trình tổ chức, thực hiện xây dựng dự án Luật đã quan tâm, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu lồng ghép bình đẳng giới, cụ thể bao gồm:

Một là, bảo đảm sự tham gia của đại diện cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, có vai trò quan trọng về giới, như Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Tư pháp, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam... và sự tham gia của các nhà khoa học, chuyên gia là nữ giới trong thành phần Ban soạn thảo, Tổ biên tập và trong quá trình xây dựng, tham vấn, lấy ý kiến để hoàn thiện dự án luật.

Hai là, lưu tâm đến các vấn đề giới trong các nội dung, chính sách, vấn đề sửa đổi, bổ sung; đặc biệt lưu tâm đến vai trò của nữ giới trong xu thế, diễn biến về môi trường và trong các hoạt động, lĩnh vực BVMT để đề xuất các quy định thiết thực nhằm bảo đảm, tăng cường cường sự tham gia chủ động của lực lượng này trong các chính sách BVMT.

Ba là, lưu tâm, bảo đảm các vấn đề bình đẳng giới trong quá trình đánh giá tác động chính sách của dự án Luật.

III. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ GIỚI VÀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TRONG DỰ ÁN LUẬT

Vấn đề giới và môi trường nói chung, phụ nữ, môi trường và biến đổi khí hậu (BĐKH) nói riêng, là một trong những vấn đề xuyên suốt, những mục tiêu quan trọng được đề cập trong các chiến lược phát triển quốc gia và chính sách phát triển ngành của nước ta. Trong công việc, cuộc sống hàng ngày, phụ nữ tiếp xúc với môi trường nhiều hơn nam giới, với bản chất sinh học nhạy cảm hơn nam giới, nên phụ nữ là đối tượng chịu ảnh hưởng của môi trường nhiều hơn, đặc biệt khi môi trường bị ô nhiễm, suy thoái. Phụ nữ, cũng là nhóm đối tượng chịu ảnh hưởng không tương xứng của biến đổi khí hậu (BĐKH) do các vai trò và vị thế khác nhau của họ trong xã hội. Đặc biệt là phụ nữ nghèo thường ít được tiếp cận các quyền sử dụng đất, giáo dục và các dịch vụ hỗ trợ khuyến nông, tài chính..., điều này khiến họ dễ bị tổn thương hơn trước hạn hán, lũ lụt, mất mùa, nguồn cung tài nguyên thiên nhiên ngày càng hạn chế, cùng các vấn đề môi trường khác.

Tuy nhiên, phụ nữ cũng đồng thời được xem là người sản xuất, chăm sóc, nuôi dưỡng trong gia đình, là những nhà giáo dục đầu tiên nên nhìn từ góc độ người sản xuất, người tiêu dùng, hay người quản lý thì họ cũng đều đảm nhận vai trò quan trọng trong việc giữ gìn và bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng¹. Trong những năm trở lại đây, trong nhiều dự án, chương trình về BVMT, BĐKH và cùng với xu thế phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước, phụ nữ

¹ "Quan hệ giới và môi trường ở Việt Nam: một số vấn đề lý luận và thực tiễn", Vũ Thị Cúc, Viện Gia đình và Giới, 2008

và cộng đồng đã phát huy vai trò quan trọng trong công tác quản lý chất thải, bảo vệ môi trường và các nguồn tài nguyên thiên nhiên, cải thiện môi trường sống, thích ứng với BĐKH, đóng góp vào sự phát triển bền vững của cộng đồng, đất nước. Phụ nữ dần từng bước chuyển từ thụ động, dễ bị tác động, tổn thương bởi suy thoái, ô nhiễm môi trường, buộc phải thích nghi với BĐKH sang chủ động giảm thiểu phát thải, bảo vệ môi trường, ngăn chặn các tác động của BĐKH...

Các quy định sửa đổi, bổ sung trong dự án Luật này, bên cạnh mục tiêu tăng cường hiệu lực các công cụ quản lý môi trường, nâng cao trách nhiệm tuân thủ, thực thi các quy định về BVMT của các tổ chức, cá nhân có hoạt động phát triển tác động đến môi trường, còn tập trung hướng đến việc thay đổi hành vi, thói quen, lối sống của cá nhân, tổ chức, cộng đồng để cải thiện chất lượng môi trường sống. Do đó, vấn đề giới nói chung và bảo đảm sự tham gia chủ động, phát huy vai trò của phụ nữ nói riêng trong công tác BVMT đã được quan tâm trong quá trình xây dựng, hoàn thiện các quy định, chính sách, đặc biệt trong các chế định về kiểm soát ô nhiễm, quản lý chất thải, quản lý chất lượng môi trường, thích ứng với BĐKH, hỗ trợ BVMT, trách nhiệm cộng đồng và BVMT...

1. Tăng cường sự tham gia của cộng đồng, đặc biệt là phụ nữ, trong kiểm soát ô nhiễm, quản lý chất thải, cải thiện phục hồi môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu

Sửa đổi, bổ sung quy định về Nguyên tắc BVMT, Khoản 3 Điều 4 của dự thảo Luật nêu rõ *"Bảo vệ môi trường là quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân, trong đó doanh nghiệp, cộng đồng và người dân đóng vai trò hạt nhân, quyết định. Nhà nước có trách nhiệm tạo điều kiện để doanh nghiệp, cộng đồng và người dân tham gia bảo vệ môi trường. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường phải được coi là một tiêu chí đánh giá văn hóa, đạo đức đối với mọi tổ chức, cá nhân."*

Trong quá trình xây dựng, hoàn thiện các chính sách, quy định của dự án Luật, nguyên tắc trên được luôn được bảo đảm, và cùng với đó, sự tham gia của cộng đồng, vai trò, tiềm năng tác động của các giới đối với môi trường và trong các hoạt động BVMT đều được xem xét một cách phù hợp để nâng cao hiệu quả công tác BVMT trên thực tế.

- *Đối với chính sách đánh giá tác động môi trường, kiểm soát ô nhiễm của các dự án đầu tư:* tham vấn, lấy ý kiến các đối tượng bị tác động, các bên liên quan trong quá trình thực hiện ĐTM là một trong các hoạt động quan trọng để bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường của dự án. Mặc dù quy định về việc tham vấn trong quá trình thực hiện ĐTM đã được nêu trong Luật BVMT 2005 và điều chỉnh bổ sung trong Luật BVMT 2014, tuy nhiên trên thực tế việc tham vấn trong quá trình thực hiện ĐTM của nhiều dự án còn mang tính hình thức, chưa xem xét vấn đề giới, bỏ qua các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương (phụ nữ, trẻ em, đặc biệt tại các khu vực nghèo, sinh kế phụ thuộc vào tài

nguyên thiên nhiên)... dẫn đến những hậu quả, hệ lụy không nhỏ khi dự án triển khai trên thực tế. Do đó, để hạn chế các tác động xấu của dự án đến môi trường, cộng đồng, các đối tượng dễ bị tổn thương, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung quy định làm rõ các đối tượng phải tham vấn cộng đồng dân cư, bao gồm Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ dân phố, thôn, bản (Điều 17 dự thảo Luật).

- *Đối với chính sách quản lý chất thải, đặc biệt là quản lý chất thải rắn sinh hoạt:* Những nỗ lực nhằm thực thi có hiệu quả việc phân loại, thu gom, tái chế chất thải được quyết định bởi chính cộng đồng và chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi các vai trò giới. Ở cấp độ hộ gia đình, phụ nữ hầu hết là người quyết định mua những thực phẩm nào và xử lý chất thải hộ gia đình ra sao. Chu trình quản lý chất thải có thể hiệu suất hơn nếu nam giới, phụ nữ và con cái họ được thông tin về cách thức phân loại chất thải và được cung cấp các túi đựng rác riêng ở hộ gia đình thông qua các kênh thích hợp (ví dụ như tivi, đài phát thanh, tạp chí dành cho cả hai giới, nhà trường...). Bằng các cách thức quản lý và công cụ kinh tế phù hợp, các cơ quan quản lý hoặc các đơn vị chịu trách nhiệm thu gom, tái chế, xử lý chất thải có thể hỗ trợ, khuyến khích phụ nữ và gia đình họ trong việc phân loại, tái sử dụng rác thải, thu hồi sản phẩm thải bỏ... Ngược lại, những nỗ lực của phụ nữ để phân loại rác thải ở hộ gia đình sẽ bị lãng phí nếu chúng không được xem xét ở cấp độ đô thị. Chất thải đã được phân loại trước ở hộ gia đình có thể bị trộn lẫn trong quá trình vận chuyển tới điểm tập trung hoặc các địa điểm xử lý rác thải, khiến cho việc quản lý chất thải đô thị kém hiệu quả. Ngoài ra, nhóm đối tượng thu gom phế liệu cũng thường là phụ nữ nghèo, những người mà nỗ lực phân loại rác thải của họ không được ghi nhận và phải tiếp xúc với các điều kiện làm việc không an toàn...

Ghi nhận và nhằm tăng cường phát huy vai trò của cộng đồng, của các tổ chức chính trị - xã hội, các giới, đặc biệt là phụ nữ trong chính sách quản lý chất thải nói chung và quản lý chất thải rắn sinh hoạt nói riêng, bên cạnh các quy định cụ thể về việc phân loại chất thải, dự thảo Luật cũng đã bổ sung các quy định như:

+ Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam có trách nhiệm huy động, phát huy vai trò của phụ nữ trong hướng dẫn và thực hiện thu gom, phân loại rác tại nguồn, giảm thiểu rác thải nhựa; xây dựng môi trường trong lành tại gia đình, đường làng, ngõ xóm. (Khoản 3 Điều 152 dự thảo Luật);

+ Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện có làng nghề có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, vận động Nhân dân tham gia thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; phát động phong trào, tuyên dương, khen thưởng phù hợp và tạo điều kiện để các hội phụ nữ, nông dân, cựu chiến binh, đoàn thanh niên thực hiện các mô hình bảo vệ môi trường. (Khoản 4, 5 Điều 128 dự thảo Luật);

+ Tổ chức, cá nhân thu gom, tái chế sản phẩm thải bỏ thuộc Danh mục

sản phẩm phải được thu gom, tái chế do Chính phủ ban hành được nhận hỗ trợ kinh phí từ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam. (Khoản 5 Điều 46 dự thảo Luật).

- *Đối với chính sách về biến đổi khí hậu*: BĐKH là một hiện tượng toàn cầu, tác động tới tất cả các quốc gia và dân tộc vượt qua mọi biên giới. Tuy nhiên, các hệ thống văn hóa và xã hội có ảnh hưởng tới cả cách thức mà áp lực môi trường tác động tới các nhóm xã hội cũng như cách thức họ có thể đóng góp để giảm sự phát thải có hại. Vai trò và trách nhiệm được gán cho phụ nữ và nam giới trong một xã hội có tác động tới sự phụ thuộc của họ vào môi trường tự nhiên, định hình năng lực thích nghi của họ với khí hậu đang thay đổi, và dẫn tới những kiến thức cụ thể về cách thức gây ảnh hưởng tới môi trường. Khi những sự bất bình đẳng này giữa nam giới và phụ nữ được xóa bỏ, khi năng lực và tri thức cụ thể được thúc đẩy, tiềm năng toàn diện để đóng góp vào cuộc chiến chống BĐKH của họ có thể được khai mở. Có sự thừa nhận ngày càng tăng rằng với việc trao quyền cho phụ nữ tham gia tích cực vào quá trình giảm phát thải và tăng cường khả năng thích ứng của cộng đồng, các dự án BĐKH trở nên thành công, bền vững và công bằng hơn.²

BĐKH là một trong các chính sách chính được sửa đổi, bổ sung trong dự án Luật. Trong đó, bổ sung quy định mới về thích ứng với BĐKH, gồm trách nhiệm của Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân trong xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các hoạt động thích ứng với BĐKH và nội dung thích ứng với BĐKH bao gồm đánh giá tác động, tình trạng dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu đối với các lĩnh vực, khu vực và đối tượng người dân dựa trên cơ sở kịch bản biến đổi khí hậu và dự báo phát triển kinh tế - xã hội; đúc kết và nhân rộng các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng, tự nhiên và hệ sinh thái (Điều 35 dự thảo Luật).

Với quy định này, vấn đề BĐKH, giới và vai trò của cộng đồng được tiếp tục được khẳng định, nêu rõ ở cấp độ luật, tạo hành lang pháp lý cho việc phát triển các chính sách, chiến lược, chương trình lồng ghép về giới, cộng đồng và BĐKH cả ở quy mô quốc gia, ngành, vùng và địa phương.

- *Quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cộng đồng dân cư trong BVMT*:

Vai trò và quyền của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội và cộng đồng dân cư trong BVMT tiếp tục được nâng cao, thể chế hoá trong các quy định sửa đổi, bổ sung của dự án Luật này (cụ thể tại các điều từ Điều 151 đến Điều 155). Trong đó, Điều 155 "*Đảm bảo điều kiện cho các tổ chức và cộng đồng dân cư hoạt động bảo vệ môi trường*" quy định các cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm: i)

² "Sổ tay tập huấn nhằm hỗ trợ Giới và Biến đổi khí hậu theo Mục tiêu quốc gia: chính sách, chiến lược và phát triển chương trình", Ngân hàng phát triển Châu Á, 2015.

Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin môi trường và các chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; ii) Ban hành cơ chế, chính sách phối hợp, hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cộng đồng thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ tiên tiến, các tác phẩm về bảo vệ môi trường và các hoạt động về bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật; iii) Ban hành cơ chế bảo vệ, động viên, khen thưởng đối với các tổ chức, cộng đồng thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Đồng thời, quy định Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm đảm bảo nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Như vậy, so với quy định tại Luật BVMT 2014 (quy định chung chung, tiếp cận dưới góc độ vừa là “trách nhiệm”, vừa là “quyền”) các quy định của dự thảo Luật đã cụ thể hoá quyền, bảo đảm điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội và cộng đồng dân cư tham gia các hoạt động BVMT một cách cụ thể, thiết thực hơn. Trên cơ sở này, các vấn đề giới nói chung và vai trò của phụ nữ nói riêng trong BVMT cũng sẽ được mở rộng, tăng cường thông qua các kênh hoạt động của các tổ chức, đơn vị đại diện như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Công đoàn Việt Nam, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức xã hội khác có liên quan đến giới.

2. Tăng cường chính sách quản lý, BVMT nhằm nâng cao chất lượng môi trường, sức khoẻ môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và hệ sinh thái tự nhiên

Điều 43 Hiến pháp năm 2013 quy định: "Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường". Tuy nhiên, chất lượng môi trường sống suy giảm; các chất thải gia tăng khó kiểm soát, quản lý; môi trường nước, không khí bị ô nhiễm, đặc biệt nghiêm trọng tại một số đô thị; cảnh quan thiên nhiên và hệ sinh thái tự nhiên bị huỷ hoại... là những vấn đề, áp lực thực tế nước ta đang phải đối mặt trong những năm gần đây. Một trong những đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp, thiệt hại lớn khi môi trường bị ô nhiễm, suy thoái, huỷ hoại, như đã phân tích ở phần trên, là phụ nữ và trẻ em, đặc biệt là những phụ nữ, trẻ em nghèo, có sinh kế phụ thuộc vào tự nhiên.

Nhằm nâng cao chất lượng môi trường, sức khoẻ môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và hệ sinh thái tự nhiên, một số chính sách, quy định mới được bổ sung trong dự thảo Luật, bao gồm:

- Quy định về quản lý, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên (các điều từ Điều 27 đến Điều 31);

- Quy định về sức khoẻ môi trường (Điều 79, 80);

- Quy định về trách nhiệm BVMT nơi công cộng (Điều 143).

Việc sửa đổi, bổ sung các chính sách, quy định này một mặt để tăng

cường BVMT, một mặt hướng tới các đối tượng hưởng lợi là con người nói chung và phụ nữ, trẻ em, nhóm đối tượng dễ bị tổn thương nói riêng.

3. Tăng cường các chính sách hỗ trợ, ưu đãi, khuyến khích các ngành kinh tế, các dịch vụ thân thiện môi trường, các hoạt động BVMT có sự tham gia với vai trò chính của nữ giới

Ở nước ta, nhìn chung phụ nữ vẫn phải đối mặt với sự bất bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực, cơ hội, tham gia, và ra quyết định, khiến họ bị hạn chế trong việc phát huy tối đa tiềm năng. Nếu bất bình đẳng không được giải quyết, tiềm năng đóng góp cho phát triển kinh tế, xã hội và môi trường của một nửa dân số sẽ bị mất đi một cách uổng phí.

Do đó, trong quá trình xây dựng dự án luật, cũng đã xem xét đến các chính sách hỗ trợ, ưu đãi, khuyến khích các ngành kinh tế, các dịch vụ thân thiện môi trường, các hoạt động BVMT có sự tham gia với vai trò chính của nữ giới hiện nay. Cụ thể:

- Bổ sung việc hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, xây dựng, thử nghiệm mô hình quản lý tổng hợp chất thải rắn sinh hoạt trong nội dung chi ngân sách nhà nước cho BVMT (Điều 120 dự thảo Luật);

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về sản xuất, tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường; phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; xây dựng công trình bảo vệ môi trường phục vụ lợi ích công cộng... trong ưu đãi, hỗ trợ hoạt động BVMT (Điều 116 dự thảo Luật);

- Quy định việc ưu đãi, hỗ trợ đối với các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ứng dụng chuyển giao công nghệ về BVMT trong các nội dung sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, tiết kiệm năng lượng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và thân thiện với môi trường; tái chế, tái sử dụng chất thải, xử lý chất thải, cải tạo và phục hồi môi trường... (Điều 122 dự thảo Luật).

IV. DỰ BÁO TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI CỦA CÁC QUY ĐỊNH CỦA DỰ ÁN LUẬT KHI ĐƯỢC BAN HÀNH

Vấn đề giới và môi trường có mối liên hệ hữu cơ chặt chẽ. Căn cứ vào vai trò, tiềm năng thực tế của mỗi giới đối với môi trường và trong các hoạt động BVMT các năm qua, các yếu tố tác động, vấn đề ảnh hưởng, cách thức tiếp cận để trao quyền và tăng cường tiềm năng, vai trò của mỗi giới trong các hoạt động BVMT là vấn đề quan trọng, đã được xem xét trong quá trình xây dựng dự án Luật. Đồng thời, trong quá trình đánh giá tác động chính sách, khi đánh giá tác động về kinh tế, xã hội và giới, cũng đã một lần nữa xem xét các vấn đề liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới khi các quy định của dự án luật được ban hành.

Cùng với sự phát triển chung của bình đẳng giới trong các lĩnh vực kinh tế và xã hội, dự thảo Luật được ban hành sẽ tạo điều kiện và bảo đảm vấn đề bình đẳng giới trong lĩnh vực môi trường, hướng tới sự phát triển bền vững của đất nước.

Trên đây là báo cáo lồng ghép bình đẳng giới trong dự án Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi), Bộ Tài nguyên và Môi trường kính trình Chính phủ xem xét, báo cáo Quốc hội./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Lưu: VT, PC, VP, TCMT.

m *am*

KT. BỘ TRƯỞNG

HỮU TRƯỞNG



Võ Tuấn Nhân